

Số: ~~1378~~./QĐ-LTT-TTĐT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công nhận hoàn thành khóa học cho học viên các lớp ngắn hạn
Đợt tháng 12 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 72/QĐ-LTT ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp trong dạy nghề;

Căn cứ kết quả thi cuối khóa của học viên ngắn hạn;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đào tạo Lý Tự Trọng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận 422 học viên các lớp ngắn hạn đã hoàn thành khóa học và được cấp Chứng chỉ đào tạo đợt tháng 12 năm 2018. Trong đó:

1. Tin học Ứng dụng CB: 422 học viên (có danh sách đính kèm)

Điều 2. Các học viên trên được cấp Chứng chỉ đào tạo theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các đơn vị có liên quan và các học viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TTĐT.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

Đợt tháng 12 năm 2018

(Kèm theo Quyết định số 1378... /QĐ-LTT-TTĐT ngày 20.. tháng 12 năm 2018
của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	GIỚI TÍNH	LT	TH	TB	XẾP LOẠI
1	16000744	Nguyễn Minh	An	09/08/1997	nam	7.0	4.5	5.8	Trung bình
2	15000067	Hà Gia	Ân	09/11/2000	nam	7.5	3.0	5.3	Trung bình
3	16002977	Nguyễn Phương	Anh	25/07/1998	nữ	8.5	6.0	7.3	Khá
4	BS19	Nguyễn Thị Kim	Anh	26/06/1975	nữ	7.5	9.0	8.3	Giỏi
5	16000621	Nguyễn Văn	Anh	12/10/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
6	16003519	Nguyễn Việt	Anh	16/11/1998	nam	9.5	9.5	9.5	Giỏi
7	17004911	Huỳnh Nguyên	Bá	06/05/1992	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
8	16000888	Hồ Xuân	Bảo	29/09/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
9	16002906	Ngô Khắc	Bảo	18/04/1998	nam	8.5	6.0	7.3	Khá
10	16001861	Phạm Thái	Bảo	18/11/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
11	16003320	Phạm Võ Công	Bảo	01/11/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
12	17002456	Võ Anh	Bảo	20/01/1999	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
13	16000459	Lê Thanh	Bình	28/02/1997	nam	5.0	5.5	5.3	Trung bình
14	17000840	Ngô Tấn	Bình	15/08/1999	nam	9.0	3.0	6.0	Trung bình
15	16002154	Phạm Quang	Bình	03/05/1998	nam	4.5	5.5	5.0	Trung bình
16	16003084	Trần Thái	Bôn	24/05/1998	nam	9.5	4.0	6.8	Trung bình
17	15003079	Võ Sỹ	Bổng	01/08/1995	nam	9.0	7.5	8.3	Giỏi
18	16001724	Giang Duy	Cầm	14/02/1998	nam	8.0	10.0	9.0	Giỏi
19	16002019	Nguyễn	Chân	13/01/1997	nam	9.5	3.0	6.3	Trung bình
20	17001716	Lê Công	Chiến	29/11/1999	nam	9.0	3.0	6.0	Trung bình
21	16000579	Phạm Văn	Công	12/06/1997	nam	8.5	3.0	5.8	Trung bình
22	17002448	Phạm Văn	Công	13/06/1998	nam	3.0	7.0	5.0	Trung bình
23	15002824	Bùi Phạm Hữu	Cường	14/03/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
24	16000760	Bùi Tuấn	Cường	09/05/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
25	16003241	Đoàn Hữu	Cường	01/06/1998	nam	6.0	4.0	5.0	Trung bình
26	16002235	Lê Tấn Phú	Cường	15/03/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
27	17002931	Nguyễn Duy	Cường	10/04/1999	nam	7.0	4.0	5.5	Trung bình
28	16002613	Nguyễn Minh	Cường	01/01/1998	nam	8.5	6.0	7.3	Khá
29	16002813	Nguyễn Quang	Cường	17/11/1998	nam	9.5	6.0	7.8	Khá
30	15002604	Phạm Quốc	Cường	22/08/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
31	15000033	Trần Quốc	Đại	31/07/1999	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
32	16002039	Trần Thanh	Đăng	01/02/1998	nam	10.0	9.0	9.5	Giỏi
33	14000988	Nguyễn Minh	Đạo	16/09/1996	nam	8.0	3.0	5.5	Trung bình
34	15002595	Nguyễn Thành	Đạt	02/08/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
35	15001644	Nguyễn Thành	Đạt	14/04/1997	nam	6.5	6.0	6.3	Trung bình
36	15001826	Nguyễn Văn	Đạt	30/05/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
37	16002398	Nguyễn Thanh	Đệ	03/08/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
38	15002881	Kim Ngọc Xi	Đene	09/02/1996	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
39	16001988	Nguyễn Thị Mỹ	Diễm	05/07/1998	nữ	7.0	3.0	5.0	Trung bình
40	BS10	Ngô Thanh	Điện	12/09/1979	nam	6.0	5.0	5.5	Trung bình
41	BS06	Nguyễn Thị	Dinh	01/01/1976	nữ	5.5	8.0	6.8	Trung bình
42	15001799	Trần Thiên	Định	17/08/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
43	16000807	Nguyễn Minh	Đoàn	27/09/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
44	15001132	Đào Duy	Đon	25/12/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
45	17001094	Dương Tấn	Đông	24/03/1999	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
46	15000600	Ngô Hàng Thúy	Đông	05/02/1997	nam	8.0	5.5	6.8	Trung bình
47	BS07	Nguyễn Văn	Đông	21/05/1966	nam	8.0	6.5	7.3	Khá
48	17002114	Lê Văn	Dự	12/10/1999	nam	7.5	3.0	5.3	Trung bình
49	15001280	Lê Văn	Đức	20/08/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
50	16002607	Nguyễn Hữu	Đức	29/12/1998	nam	9.0	3.0	6.0	Trung bình

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	GIỚI TÍNH	LT	TH	TB	XẾP LOẠI
51	15001254	Nguyễn Trịnh Đạo Đức	21/11/1996	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
52	16003195	Nguyễn Việt Đức	12/07/1998	nam	5.5	5.0	5.3	Trung bình
53	16000848	Phạm Sỹ Đức	15/08/1998	nam	8.0	3.0	5.5	Trung bình
54	16003188	Trần Văn Đức	22/07/1998	nam	7.5	3.0	5.3	Trung bình
55	BS27	Nguyễn Tiến Dũng	1973	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
56	BS23	Nguyễn Trung Dũng	10/10/1982	nam	5.0	5.0	5.0	Trung bình
57	16000779	Nguyễn Văn Dũng	20/10/1998	nam	6.5	6.0	6.3	Trung bình
58	16000456	Nguyễn Ngọc Được	06/03/1997	nam	8.5	8.0	8.3	Giỏi
59	16000893	Nguyễn Quang Dương	24/04/1998	nam	8.0	3.0	5.5	Trung bình
60	15001166	Bùi Nhật Duy	07/12/1997	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
61	16002055	Cao Tường Duy	24/09/1998	nam	7.5	5.0	6.3	Trung bình
62	17002370	Đỗ Quang Duy	08/01/1999	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
63	14000929	Đỗ Thành Duy	28/09/1996	nam	6.0	4.0	5.0	Trung bình
64	16001093	Lê Nhật Duy	03/03/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
65	16002159	Mai Lê Duy	14/10/1997	nam	7.5	3.0	5.3	Trung bình
66	15001526	Nguyễn Bá Duy	09/10/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
67	16001040	Nguyễn Đình Duy	20/06/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
68	14000594	Phạm Trường Duy	20/12/1995	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
69	16001731	Phan Thanh Duy	15/11/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
70	17001233	Võ Hoàng Duy	28/03/1999	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
71	16003388	Đặng Châu Minh Giang	02/02/1998	nam	9.5	3.0	6.3	Trung bình
72	BS16	Nguyễn Thanh Giang	05/12/1977	nam	9.0	6.5	7.8	Khá
73	16002969	Võ Lê Kim Giàu	30/05/1998	nữ	7.5	4.5	6.0	Trung bình
74	16002202	Đặng Thanh Hà	13/09/1998	nam	6.0	6.5	6.3	Trung bình
75	16002698	Dương Thanh Hải	10/06/1997	nam	8.5	3.0	5.8	Trung bình
76	16002339	Nguyễn Chí Hải	10/05/1997	nam	5.5	5.0	5.3	Trung bình
77	16002204	Nguyễn Nhật Hải	20/01/1998	nam	8.0	6.0	7.0	Khá
78	15002250	Trần Đình Hải	25/09/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
79	15002720	Lê Anh Hào	09/05/1988	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
80	16001844	Trương Thế Hào	22/05/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
81	17001118	Võ Anh Hào	14/06/1999	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
82	16001367	Phan Văn Hào	20/07/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
83	17001382	Trần Ngọc Hào	09/12/1999	nữ	9.5	10.0	9.8	Giỏi
84	16001181	Trần Phú Hào	1998	nam	6.5	5.0	5.8	Trung bình
85	16000699	Đinh Trung Hậu	25/05/1998	nam	9.0	5.0	7.0	Trung bình
86	15002204	Nguyễn Phúc Hậu	10/01/1991	nam	8.0	8.0	8.0	Giỏi
87	15001476	Nguyễn Tuấn Hiệp	20/06/1996	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
88	16002399	Nguyễn Văn Hiệp	23/01/1998	nam	7.5	3.0	5.3	Trung bình
89	16002534	Phạm Ngọc Hiệp	18/12/1996	nam	9.0	3.5	6.3	Trung bình
90	15002185	Đặng Minh Hiếu	19/01/1995	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
91	17002537	Huỳnh Lê Hữu Hiếu	14/02/1999	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
92	15001103	Huỳnh Minh Hiếu	03/10/1997	nam	7.5	3.0	5.3	Trung bình
93	15003494	Nguyễn Xuân Hiếu	17/11/2000	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
94	17002083	Vi Công Hùng Hiếu	07/01/1999	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
95	13D2040013	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	10/11/1994	nữ	7.0	5.5	6.3	Trung bình
96	14000598	Võ Hoàng Hoa	01/01/1996	nam	3.0	9.5	6.3	Trung bình
97	17001927	Nguyễn Hữu Hòa	27/05/1999	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
98	BS14	Phan Văn Hòa	15/03/1980	nam	8.0	4.0	6.0	Trung bình
99	15000168	Lương Nhật Hoan	28/11/2000	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
100	17000736	Huỳnh Văn Hoàn	02/02/1999	nam	8.5	3.0	5.8	Trung bình
101	16002583	Đinh Huy Hoàng	18/10/1998	nam	8.5	3.0	5.8	Trung bình
102	16001114	Nguyễn Văn Hoàng	12/03/1998	nam	8.0	3.0	5.5	Trung bình
103	16003518	Nguyễn Việt Hoàng	16/11/1998	nam	9.5	10.0	9.8	Giỏi
104	16002422	Trương Văn Hoàng	08/07/1998	nam	8.0	3.0	5.5	Trung bình
105	17003514	Trần Đăng Hội	21/04/1998	nam	7.5	3.0	5.3	Trung bình
106	BS33	Dương Thị Hồng	06/01/1989	nữ	6.0	5.0	5.5	Trung bình
107	BS36	Trương Thị Phương Hồng	25/08/1975	nữ	8.0	6.5	7.3	Khá
108	17003829	Phạm Văn Hợp	18/10/1999	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
109	BS15	Đặng Thế Huân	23/09/1969	nam	8.5	6.0	7.3	Khá

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	GIỚI TÍNH	LT	TH	TB	XẾP LOẠI
110	16003227	Biện Thanh	Hùng	01/01/1998	nam	4.0	6.0	5.0	Trung bình
111	17002041	Chưóng Hoàng	Hùng	08/12/1999	nam	6.5	5.0	5.8	Trung bình
112	16001743	Huỳnh Thiên	Hùng	04/10/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
113	16002328	Nguyễn Mạnh	Hùng	15/05/1998	nam	7.5	3.0	5.3	Trung bình
114	17001228	Nguyễn Sỹ	Hùng	20/04/1998	nam	9.0	3.0	6.0	Trung bình
115	15003365	Trần Đình	Hùng	30/04/1996	nam	5.5	4.5	5.0	Trung bình
116	14000505	Lê Cảnh	Hùng	07/04/1995	nam	10.0	8.0	9.0	Giỏi
117	15001548	Trần Xuân	Hùng	22/10/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
118	BS37	Trần Thị	Hương	05/06/1980	nữ	9.0	9.0	9.0	Giỏi
119	16001182	Bùi Thiện	Hữu	08/01/1998	nam	7.5	3.0	5.3	Trung bình
120	16000850	Hoàng Đức	Huy	15/08/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
121	16002305	Lê Đức	Huy	24/09/1998	nam	9.5	3.0	6.3	Trung bình
122	17002033	Ngô Hoàng	Huy	13/06/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
123	16000748	Nguyễn	Huy	12/10/1998	nam	7.0	9.0	8.0	Giỏi
124	16002017	Nguyễn Đức	Huy	16/10/1998	nam	7.5	5.0	6.3	Trung bình
125	15000636	Nguyễn Hoàng	Huy	21/02/2000	nam	9.5	5.0	7.3	Trung bình
126	BS11	Nguyễn Khắc	Huy	04/05/1990	nam	8.0	6.0	7.0	Khá
127	16001991	Nguyễn Thanh	Huy	09/01/1998	nam	7.5	3.0	5.3	Trung bình
128	16002380	Tạ Gia	Huy	14/06/1997	nam	7.5	3.0	5.3	Trung bình
129	15000780	Trần Đình Tuấn	Huy	23/09/2000	nam	7.5	6.0	6.8	Trung bình
130	17001309	Trần Quang	Huy	07/10/1998	nam	8.0	3.0	5.5	Trung bình
131	17000771	Trần Quang	Huy	26/07/1999	nam	9.5	3.0	6.3	Trung bình
132	16002474	Võ Duy	Huy	19/11/1998	nam	6.5	8.0	7.3	Khá
133	15000357	Nguyễn Đức	Huỳnh	09/06/2000	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
134	17001909	Nguyễn Đình	Kha	23/12/1999	nam	8.5	4.0	6.3	Trung bình
135	16002149	Nguyễn Nhật	Kha	02/05/1996	nam	7.0	3.5	5.3	Trung bình
136	BS39	Trần Đình	Khải	26/07/1968	nam	7.5	7.0	7.3	Khá
137	16002193	Trần Quang	Khải	12/07/1998	nam	8.0	4.0	6.0	Trung bình
138	16000794	Đặng Trần Duy	Khang	27/04/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
139	16002152	Lê Quang	Khang	02/12/1997	nam	7.5	3.5	5.5	Trung bình
140	17002704	Lương Tuấn	Khang	01/05/1999	nam	8.5	9.5	9.0	Giỏi
141	15000139	Nguyễn Phi	Khang	09/12/2000	nam	8.0	5.0	6.5	Trung bình
142	15002160	Võ Minh	Khang	04/11/1997	nam	7.0	4.5	5.8	Trung bình
143	15002571	Vũ Xuân	Khang	21/12/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
144	15000163	Huỳnh Văn	Khánh	14/09/2000	nam	8.0	3.0	5.5	Trung bình
145	BS35	Đỗ Thị Phương	Khanh	22/04/1975	nữ	9.0	8.0	8.5	Giỏi
146	15001949	Nguyễn Đình	Khanh	03/12/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
147	16000886	Nguyễn Ngọc Duy	Khanh	02/05/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
148	15029110	Nguyễn Nhật	Khanh	11/09/2000	nam	8.5	6.0	7.3	Khá
149	15000351	Nguyễn Quốc Công	Khanh	18/11/2000	nam	5.0	9.5	7.3	Trung bình
150	15000247	Trần Tuấn	Khanh	07/07/2000	nam	7.5	3.0	5.3	Trung bình
151	15002370	Nguyễn Đức	Khánh	26/04/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
152	14000836	Phạm Vũ	Khánh	24/08/1996	nam	7.5	5.5	6.5	Trung bình
153	17004935	Trần Duy	Khánh	12/12/1994	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
154	15000184	Bùi Anh	Khoa	18/12/2000	nam	7.5	3.5	5.5	Trung bình
155	16002316	Đặng Đăng	Khoa	22/06/1998	nam	9.5	3.0	6.3	Trung bình
156	BS13	Trần Đình	Khoa	22/12/1985	nam	9.5	6.0	7.8	Khá
157	16001948	Trần Mai Anh	Khoa	22/08/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
158	17002864	Trần Nguyễn Anh	Khoa	08/11/1999	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
159	16003079	Lê Anh	Khôi	03/08/1998	nam	6.5	6.0	6.3	Trung bình
160	16000883	Nguyễn Minh	Khôi	11/10/1998	nam	7.5	3.0	5.3	Trung bình
161	17002138	Thái Nguyên	Khôi	04/08/1999	nam	9.0	9.0	9.0	Giỏi
162	15000681	Trần Quang	Khởi	13/02/1997	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
163	16003115	Nguyễn Văn	Kiên	18/09/1998	nam	6.5	6.5	6.5	Trung bình
164	17004774	Võ Đông	Kiên	03/09/1996	nam	9.5	9.0	9.3	Giỏi
165	15003379	Vương Nhân	Kiên	05/01/1998	nam	9.0	5.0	7.0	Trung bình
166	15000185	Lại Phạm Tuấn	Kiệt	18/04/2000	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
167	16003803	Lê Anh	Kiệt	02/01/1998	nam	9.5	4.0	6.8	Trung bình
168	17002774	Lê Anh	Kiệt	11/02/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	GIỚI TÍNH	LT	TH	TB	XẾP LOẠI
169	BS42	Nguyễn Anh Kiệt	22/03/1965	nam	8.5	7.0	7.8	Khá
170	16001104	Nguyễn Tuấn Kiệt	23/04/1997	nam	8.5	3.0	5.8	Trung bình
171	BS12	Phan Anh Tuấn Kiệt	28/10/1983	nam	8.0	7.0	7.5	Khá
172	16001986	Phan Văn Kiệt	28/03/1997	nam	6.5	7.0	6.8	Trung bình
173	16000266	Võ Thúy Kiều	01/10/2001	nữ	7.0	3.0	5.0	Trung bình
174	15001024	Nguyễn Phúc Quang Lâm	04/04/1997	nam	6.0	4.0	5.0	Trung bình
175	BS02	Nguyễn Thanh Lâm	07/02/1960	nam	8.0	6.0	7.0	Khá
176	16000539	Võ Thế Lâm	02/05/1995	nam	9.0	5.0	7.0	Trung bình
177	15003283	Võ Văn Lâm	04/11/1996	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
178	15000165	Huỳnh Duy Lâm	21/02/2000	nam	8.0	3.0	5.5	Trung bình
179	06002502	Nguyễn Hùng Lâm	12/02/1998	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
180	15002633	Hướng Thế Lập	13/04/1996	nam	6.0	5.0	5.5	Trung bình
181	16002311	Nguyễn Thị Cẩm Liên	19/10/1998	nữ	7.0	3.0	5.0	Trung bình
182	17003153	Lại Cao Linh	27/12/1999	nam	8.0	3.0	5.5	Trung bình
183	17004019	Trần Nguyễn Bảo Linh	02/10/1999	nam	8.5	3.0	5.8	Trung bình
184	15001338	Trần Nhật Linh	29/08/1996	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
185	16002851	Lê Văn Lộc	12/02/1996	nam	9.5	3.0	6.3	Trung bình
186	17003052	Nguyễn Tấn Lộc	13/08/1999	nam	8.5	3.5	6.0	Trung bình
187	15000177	Phan Hữu Lộc	09/05/2000	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
188	17002780	Trần Tấn Lợi	03/05/1999	nam	8.5	7.0	7.8	Khá
189	BS26	Nguyễn Thành Long	19/07/1975	nam	8.5	7.5	8.0	Giỏi
190	14000653	Nguyễn Thành Long	29/08/1996	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
191	15001011	Nguyễn Thành Long	21/10/1999	nam	8.5	3.5	6.0	Trung bình
192	16002521	Huỳnh Trần Minh Luân	11/03/1998	nam	9.0	5.0	7.0	Trung bình
193	17003440	Nguyễn Minh Luân	19/12/1999	nam	7.5	3.0	5.3	Trung bình
194	16003379	Tăng Thành Luân	05/10/1997	nam	7.0	5.0	6.0	Trung bình
195	16002511	Nguyễn Thị Ánh Ly	20/04/1998	nữ	7.0	3.0	5.0	Trung bình
196	16001611	Đông Thị Ngọc Mai	18/05/1998	nữ	8.0	4.0	6.0	Trung bình
197	16003742	Trần Thị Mai	21/10/1998	nữ	9.5	3.0	6.3	Trung bình
198	15002989	Nguyễn Đình Mạnh	22/05/2000	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
199	17002203	Trương Văn Mau	21/04/1999	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
200	15000010	Châu Gia Minh	20/09/2000	nam	9.0	4.0	6.5	Trung bình
201	16003309	Đặng Quang Minh	29/11/1998	nam	9.5	5.0	7.3	Trung bình
202	17002716	Huỳnh Hoàng Công Minh	31/08/1999	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
203	14000397	Nguyễn Nhật Minh	05/06/1994	nam	6.0	4.5	5.3	Trung bình
204	14000944	Nguyễn Văn Minh	31/03/1995	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
205	16003692	Phạm Hùng Minh	16/03/1998	nam	9.0	3.0	6.0	Trung bình
206	17002135	Trần Công Minh	19/08/1999	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
207	16000613	Trần Quang Minh	21/01/1996	nam	7.5	3.0	5.3	Trung bình
208	16002934	Trần Xuân Minh	15/06/1998	nam	7.0	5.0	6.0	Trung bình
209	16002782	Lương Hoài Nam	03/12/1998	nam	7.5	5.0	6.3	Trung bình
210	17004920	Nguyễn Phương Nam	07/07/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
211	16003403	Nguyễn Phương Nam	20/03/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
212	16002531	Nguyễn Thành Nam	20/01/1997	nam	8.5	6.0	7.3	Khá
213	BS05	Nguyễn Thị Huyền Nga	03/05/1974	nữ	8.0	8.0	8.0	Giỏi
214	BS03	Phạm Thị Thu Nga	02/11/1976	nữ	8.0	7.0	7.5	Khá
215	16002405	Võ Thị Mỹ Nga	10/10/1998	nữ	9.0	3.0	6.0	Trung bình
216	16002257	Lý Kim Ngân	25/11/1998	nữ	9.0	3.0	6.0	Trung bình
217	17001045	Huỳnh Trung Nghĩa	06/11/1997	nam	8.0	3.0	5.5	Trung bình
218	17001167	Nguyễn Minh Nghĩa	08/08/1999	nam	9.5	3.0	6.3	Trung bình
219	16002021	Nguyễn Ngọc Nghĩa	19/06/1997	nam	8.0	7.0	7.5	Khá
220	BS01	Phạm Minh Nghĩa	09/08/1964	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
221	15000741	Lê Xuân Ngọc	20/10/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
222	15001420	Võ Hữu Ngọc	08/02/1997	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
223	15003380	Vương Tuệ Ngọc	18/12/1999	nữ	7.0	3.0	5.0	Trung bình
224	17002192	Đặng Đình Nguyên	09/08/1999	nam	8.0	3.0	5.5	Trung bình
225	17002060	Trần Văn Nguyên	28/12/1999	nam	8.0	3.0	5.5	Trung bình
226	17002776	Phạm Thị Nhân	20/02/1999	nữ	7.0	3.0	5.0	Trung bình
227	16002602	Hồ Anh Nhân	22/02/1998	nam	9.5	5.0	7.3	Trung bình

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	GIỚI TÍNH	LT	TH	TB	XẾP LOẠI
228	16002376	Lê Trọng	Nhân	06/01/1998	nam	9.5	6.0	7.8	Khá
229	15002376	Nguyễn Thành	Nhân	25/02/1997	nam	8.5	3.5	6.0	Trung bình
230	16003664	Nguyễn Thị Thanh	Nhân	01/11/1998	nữ	7.0	3.0	5.0	Trung bình
231	BS38	Nguyễn Tiến	Nhân	23/02/1959	nam	5.0	5.0	5.0	Trung bình
232	16003324	Nguyễn Văn	Nhân	12/07/1998	nam	7.5	3.0	5.3	Trung bình
233	16002256	Trần Ngọc	Nhân	21/12/1998	nam	7.0	5.0	6.0	Trung bình
234	16002022	Trần Trọng	Nhân	03/11/1998	nam	7.5	3.0	5.3	Trung bình
235	15001536	Lê Trung	Nhân	25/12/2000	nam	8.5	4.0	6.3	Trung bình
236	16002066	Trương Văn	Nhân	29/03/1998	nam	5.0	6.5	5.8	Trung bình
237	16003231	Mai Văn	Nhật	06/01/1996	nam	8.0	5.0	6.5	Trung bình
238	17001746	Nguyễn Hồng Hạ	Nhi	04/07/1999	nữ	8.5	3.0	5.8	Trung bình
239	15001353	Nguyễn Thị Yến	Nhi	19/02/1997	nữ	7.0	3.0	5.0	Trung bình
240	17002917	Chu Văn	Nhi	19/08/1999	nam	8.5	3.0	5.8	Trung bình
241	16000154	Đỗ Ngọc Quỳnh	Như	26/05/2001	nữ	7.0	3.0	5.0	Trung bình
242	16001888	Lý Bội	Như	07/09/1998	nữ	8.0	3.0	5.5	Trung bình
243	17003785	Phạm Nguyễn Yến	Như	08/11/1999	nữ	7.5	3.0	5.3	Trung bình
244	15000776	Lục Văn	Nhật	21/08/1995	nam	6.5	9.5	8.0	Khá
245	17004586	Trần Thị Mỹ	Oanh	29/08/1999	nữ	8.5	4.5	6.5	Trung bình
246	15002226	Võ Văn	Oay	10/12/1996	nam	5.5	5.5	5.5	Trung bình
247	BS28	Vũ Đức	Pháp	26/09/1978	nam	9.5	8.0	8.8	Giỏi
248	16001216	Đồng Kiến	Phát	13/01/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
249	16003429	Lê Tấn	Phát	01/05/1998	nam	8.5	3.0	5.8	Trung bình
250	17001060	Lương Tấn	Phát	27/11/1999	nam	8.0	5.0	6.5	Trung bình
251	15001289	Lê Văn	Phi	14/02/1996	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
252	16002077	Đinh Vĩnh	Phú	04/02/1997	nam	8.0	4.5	6.3	Trung bình
253	16002497	Phạm Duy	Phú	28/06/1998	nam	7.0	5.0	6.0	Trung bình
254	15001459	Vưu Thiên	Phú	01/01/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
255	14000952	Lê Minh	Phúc	08/11/1996	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
256	16001944	Nguyễn Hoàng Anh	Phúc	06/09/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
257	16002329	Nguyễn Hoàng	Phúc	08/08/1998	nam	8.0	9.0	8.5	Giỏi
258	16000764	Nguyễn Hồng	Phúc	13/03/1998	nam	9.0	3.0	6.0	Trung bình
259	BS25	Nguyễn Thanh Vĩnh	Phúc	29/03/1972	nam	7.5	7.0	7.3	Khá
260	15000008	Nguyễn Hoàng	Phước	29/08/2000	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
261	15000832	Phạm Trương Thiên	Phước	07/12/2000	nam	9.5	4.0	6.8	Trung bình
262	16001979	Huỳnh Trúc	Phương	06/08/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
263	17002017	Nguyễn Minh	Phương	27/08/1999	nam	8.5	3.0	5.8	Trung bình
264	16002007	Nguyễn Thị Thanh	Phương	01/12/1998	nữ	7.0	3.0	5.0	Trung bình
265	16002579	Phan Hoài	Phương	13/11/1998	nam	8.0	5.0	6.5	Trung bình
266	17001091	Trần Huy	Phương	20/04/1999	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
267	17001186	Trần Thanh	Phương	06/03/1999	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
268	15000514	Trần Võ Đông	Phương	12/09/2000	nam	8.0	3.5	5.8	Trung bình
269	16000880	Cao Thanh	Quan	04/04/1998	nữ	7.0	3.0	5.0	Trung bình
270	16002415	Nguyễn Minh	Quân	05/09/1998	nam	9.5	8.0	8.8	Giỏi
271	15000797	Lê	Quang	17/05/2000	nam	8.0	4.0	6.0	Trung bình
272	16001061	Lê Văn Thiện	Quang	13/03/1998	nam	7.0	3.5	5.3	Trung bình
273	16003258	Trần Minh	Quang	17/04/1997	nam	6.0	7.0	6.5	Trung bình
274	BS29	Võ Minh	Quang	25/08/1963	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
275	15001763	Huỳnh Duy	Quốc	03/07/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
276	15000897	Lưu Vũ Anh	Quốc	11/07/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
277	16001475	Nguyễn Hữu	Quốc	02/10/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
278	15000894	Cao Tấn	Quý	24/08/1997	nam	7.0	4.5	5.8	Trung bình
279	16002233	Nguyễn Hoàng	Quý	11/05/1998	nam	7.5	3.0	5.3	Trung bình
280	17001310	Huỳnh Thị Lệ	Quyên	08/08/1999	nữ	7.0	3.0	5.0	Trung bình
281	15001554	Nguyễn Trí	Quyên	30/09/2000	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
282	17002742	Đặng Văn	Sĩ	27/05/1999	nam	9.5	3.0	6.3	Trung bình
283	16000983	Trương Phú	Sĩ	06/10/1998	nam	9.0	7.0	8.0	Giỏi
284	16000840	Hứa Trường	Sơn	14/01/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
285	16002352	Nguyễn Hồng	Sơn	07/03/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
286	17004942	Nguyễn Thế	Sung	10/12/1993	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	GIỚI TÍNH	LT	TH	TB	XẾP LOẠI
287	17002293	Đặng Tuấn	Tài	01/06/1999	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
288	16003040	Lâm Tấn	Tài	09/07/1998	nam	9.5	7.0	8.3	Giỏi
289	16000708	Phạm Minh	Tài	03/11/1996	nam	7.5	3.5	5.5	Trung bình
290	17002781	Trần Tấn	Tài	02/02/1998	nam	8.5	3.0	5.8	Trung bình
291	17002146	Trần Tấn	Tài	02/12/1999	nam	8.5	3.0	5.8	Trung bình
292	17002200	Cao Thị Thu	Tâm	01/09/1999	nữ	8.5	3.0	5.8	Trung bình
293	15001971	Lâm Hoàng	Tâm	26/10/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
294	17001971	Lê Hồng	Tâm	16/03/1999	nam	8.0	3.0	5.5	Trung bình
295	17002659	Nguyễn Chí	Tâm	10/06/1999	nam	4.0	6.0	5.0	Trung bình
296	BS41	Nguyễn Hữu	Tâm	08/12/1982	nam	5.0	5.0	5.0	Trung bình
297	12D2060064	Nguyễn Minh	Tâm	16/06/1994	nam	9.5	10.0	9.8	Giỏi
298	16003700	Phạm Duy	Tâm	06/10/1994	nam	6.5	4.5	5.5	Trung bình
299	16003372	Võ Minh	Tâm	15/07/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
300	16000858	Nguyễn Văn Nhựt	Tân	18/09/1998	nam	8.0	3.0	5.5	Trung bình
301	16002284	Vũ Minh	Tân	18/01/1998	nam	9.0	3.0	6.0	Trung bình
302	16002993	Huỳnh Quang	Tân	15/10/1998	nam	7.0	6.0	6.5	Trung bình
303	16002179	Trần Văn	Tây	19/12/1998	nam	7.5	3.5	5.5	Trung bình
304	17000702	Nguyễn Duy	Thái	20/08/1999	nam	6.0	4.0	5.0	Trung bình
305	17002197	Nguyễn Hồng	Thái	23/05/1999	nam	7.5	3.0	5.3	Trung bình
306	15002362	Nguyễn Trần Quốc	Thái	18/01/1997	nam	6.0	5.0	5.5	Trung bình
307	16000475	Lê Thành	Thắng	01/05/2001	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
308	BS09	Nguyễn Đức	Thắng	02/09/1965	nam	6.0	6.5	6.3	Trung bình
309	12D3010131	Nguyễn Quốc	Thắng	29/06/1994	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
310	16000907	Phạm Văn	Thắng	08/09/1998	nam	7.5	3.0	5.3	Trung bình
311	14000524	Nguyễn Chí	Thành	04/07/1995	nam	6.0	4.5	5.3	Trung bình
312	17003749	Nguyễn Chí	Thành	14/05/1999	nam	9.0	3.0	6.0	Trung bình
313	BS22	Nguyễn Văn	Thành	30/12/1974	nam	5.0	5.0	5.0	Trung bình
314	BS24	Phan Văn	Thành	25/07/1964	nam	5.0	5.0	5.0	Trung bình
315	16000418	Bạch Thị Kim	Thảo	25/08/1997	nữ	8.0	8.0	8.0	Giỏi
316	16003346	Bùi Thị Thu	Thảo	12/12/1998	nữ	6.0	5.0	5.5	Trung bình
317	15000049	Luân Trí	Thiện	07/06/2000	nam	9.0	4.5	6.8	Trung bình
318	16003546	Nguyễn Hữu	Thiện	16/09/1998	nam	6.0	4.0	5.0	Trung bình
319	17001104	Nguyễn Anh	Thọ	19/03/1999	nam	8.0	3.0	5.5	Trung bình
320	17004133	Phạm Văn	Thọ	06/03/1998	nam	8.0	3.0	5.5	Trung bình
321	16003016	Lê Công	Thoại	27/01/1997	nam	6.0	5.0	5.5	Trung bình
322	17004940	Lương Hữu	Thoại	14/11/1988	nam	9.0	7.0	8.0	Giỏi
323	16002992	Trần Thanh	Thoại	07/04/1998	nam	8.5	6.0	7.3	Khá
324	16002054	Nguyễn Văn	Thới	11/01/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
325	BS32	Trần Minh	Thông	23/11/1987	nam	9.0	6.5	7.8	Khá
326	17001698	Trần Thành	Thông	08/07/1999	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
327	15001415	Nguyễn Đình	Thông	31/01/1997	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
328	16002517	Nguyễn Anh	Thư	19/07/1998	nam	5.5	5.5	5.5	Trung bình
329	17004041	Trương Minh	Thương	04/03/1999	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
330	15002190	Trần Viết	Thường	05/09/1996	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
331	17002689	Cao Thị Thanh	Thúy	06/12/1999	nữ	7.0	3.0	5.0	Trung bình
332	16002523	Đinh Thị Phương	Thủy	20/12/1991	nữ	7.0	6.0	6.5	Trung bình
333	17001917	Trần Quốc	Tiên	06/07/1999	nam	8.0	4.0	6.0	Trung bình
334	17003773	Trần Thị Mỹ	Tiên	12/07/1999	nữ	9.5	10.0	9.8	Giỏi
335	16002009	Đoàn Minh	Tiến	05/07/1998	nam	8.5	4.5	6.5	Trung bình
336	15002787	Nguyễn Nam	Tiến	04/07/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
337	16000660	Nguyễn Ngọc	Tiến	05/12/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
338	16003026	Bùi Thanh	Tiến	16/03/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
339	16000919	Võ Bảo	Tín	31/07/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
340	16000797	Huỳnh Hữu	Tình	22/10/1998	nam	7.0	3.5	5.3	Trung bình
341	15000941	Bùi Hữu	Toàn	21/04/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
342	17002097	Trần Anh	Toàn	05/08/1999	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
343	15001725	Nguyễn Minh	Toản	24/10/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
344	17002270	Thông Thành	Tôn	20/04/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
345	17003870	Đặng Thụy Bích	Trâm	24/09/1999	nữ	9.0	3.0	6.0	Trung bình

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	GIỚI TÍNH	LT	TH	TB	XẾP LOẠI
346	16000463	Lê Đỗ Ngọc	Trâm	08/04/1995	nữ	7.5	3.0	5.3	Trung bình
347	BS18	Trần Nguyên Bảo	Trân	02/04/1977	nam	10.0	7.0	8.5	Giỏi
348	17003695	Phạm Đức	Trận	26/07/1999	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
349	16003071	Đoàn Thị Huyền	Trang	19/06/1998	nữ	7.5	6.5	7.0	Khá
350	BS31	Phan Thị Xuân	Trang	01/03/1971	nữ	9.0	8.0	8.5	Giỏi
351	16002358	Cao Minh	Trí	30/07/1998	nam	9.0	3.5	6.3	Trung bình
352	16000892	Mai Minh	Trí	11/03/1998	nam	8.0	3.0	5.5	Trung bình
353	16002230	Trần Thanh	Trì	29/08/1998	nam	5.5	5.5	5.5	Trung bình
354	15003437	Vũ Văn	Triển	02/01/1996	nam	7.5	3.0	5.3	Trung bình
355	14000914	Nguyễn Ngọc	Triết	22/11/1996	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
356	BS20	Đỗ Văn	Trong	06/10/1982	nam	8.5	4.5	6.5	Trung bình
357	BS04	Đặng Thị Kiến	Trúc	20/10/1975	nữ	7.5	7.0	7.3	Khá
358	16000752	Phạm Thị Mỹ	Trúc	15/05/1998	nữ	6.5	3.5	5.0	Trung bình
359	16000976	Nguyễn Cẩm Tú	Trung	10/06/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
360	16001890	Nguyễn Thái	Trung	18/05/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
361	15002971	Nguyễn Thiên	Trung	27/01/1996	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
362	16000822	Võ Thanh	Trung	24/04/1998	nam	8.0	4.0	6.0	Trung bình
363	15002141	Hà Thanh	Trường	01/03/1997	nam	8.0	3.0	5.5	Trung bình
364	17002031	Hồ Văn	Trường	10/10/1998	nam	9.5	3.0	6.3	Trung bình
365	17003112	Ngô Đan	Trường	28/10/1999	nam	9.0	3.0	6.0	Trung bình
366	16003110	Ngô Quang	Trường	28/12/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
367	13B2250083	Vũ Nhật	Trường	10/01/1995	nam	9.0	9.5	9.3	Giỏi
368	17002714	Nguyễn Ngọc Minh	Truyền	15/11/1999	nam	8.0	3.0	5.5	Trung bình
369	17004910	Hoàng Minh	Tú	07/06/1987	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
370	16001822	Nguyễn Huỳnh Cẩm	Tú	19/10/1998	nữ	7.0	3.0	5.0	Trung bình
371	15002396	Nguyễn Trần Tuấn	Tú	23/07/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
372	BS40	Bùi Anh	Tuấn	02/11/1988	nam	10.0	7.0	8.5	Giỏi
373	16002429	Đoàn Ngọc	Tuấn	10/05/1998	nam	9.0	3.0	6.0	Trung bình
374	BS30	Hà Phước	Tuấn	01/11/1960	nam	9.0	7.0	8.0	Giỏi
375	16001020	Hồ Ngân	Tuấn	02/05/1998	nam	8.0	6.0	7.0	Khá
376	16001262	Nguyễn Anh	Tuấn	09/08/1995	nam	8.5	9.0	8.8	Giỏi
377	17002703	Nguyễn Hoàng	Tuấn	27/05/1999	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
378	17002272	Trần Lê Quốc	Tuấn	06/01/1999	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
379	BS17	Trần Minh	Tuấn	17/11/1986	nam	10.0	9.0	9.5	Giỏi
380	17001219	Võ Minh	Tuấn	01/07/1999	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
381	16002205	Vũ Anh	Tuấn	31/10/1998	nam	8.5	7.0	7.8	Khá
382	17001014	Nguyễn Bá	Túc	03/03/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
383	16002943	Mai Lâm	Tùng	22/12/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
384	17004857	Nguyễn Minh	Tùng	07/09/1998	nam	8.5	3.0	5.8	Trung bình
385	16001929	Nguyễn Thanh	Tùng	10/09/1998	nam	10.0	7.0	8.5	Giỏi
386	16003393	Phạm Hữu	Tùng	12/08/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
387	16003154	Phan Thanh	Tùng	20/08/1998	nam	8.0	3.5	5.8	Trung bình
388	15001606	Trần Bách	Tùng	06/05/2000	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
389	16003143	Trần Thanh	Tùng	18/09/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
390	15001251	Lê Văn	Tươi	25/11/1994	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
391	17001301	Nguyễn Chí	Tường	05/12/1999	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
392	15002618	Nguyễn Bách	Tuyền	16/07/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
393	16003640	Trần Minh	Tuyền	12/10/1996	nam	9.0	3.0	6.0	Trung bình
394	16000698	Huỳnh Văn	Úc	21/07/1998	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
395	16002028	Giang Trạch	Vân	29/01/1998	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
396	17001200	Lê Quốc	Vân	14/03/1999	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
397	17002029	Phan Hà	Vân	25/05/1999	nam	9.0	3.0	6.0	Trung bình
398	16002097	Nguyễn Thanh	Vi	04/01/1998	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
399	17003202	Lưu Văn	Viên	27/09/1999	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
400	17002271	Châu Đình	Viễn	05/10/1999	nam	7.5	5.0	6.3	Trung bình
401	15000106	Hà Ngọc	Việt	12/12/2000	nam	7.0	3.5	5.3	Trung bình
402	15000153	Hồng Thanh	Việt	20/08/2000	nam	9.5	3.0	6.3	Trung bình
403	16001997	Trần Quốc	Việt	17/10/1998	nam	8.0	3.0	5.5	Trung bình
404	17002124	Trần Quốc	Việt	04/01/1999	nam	9.5	3.0	6.3	Trung bình

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	GIỚI TÍNH	LT	TH	TB	XẾP LOẠI
405	BS43	Chung Trần Thế Vinh	25/06/1981	nam	8.0	8.0	8.0	Giỏi
406	16002402	Hoàng Trọng Vinh	29/12/1994	nam	7.5	3.0	5.3	Trung bình
407	17002085	Lê Thanh Vinh	24/04/1999	nam	8.5	3.0	5.8	Trung bình
408	17001582	Lê Thế Vinh	25/08/1999	nam	8.0	3.0	5.5	Trung bình
409	16001871	Lương Thế Vinh	01/05/1998	nam	9.5	3.5	6.5	Trung bình
410	16002478	Nguyễn Quốc Vinh	01/04/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
411	15003357	Phạm Quang Vinh	22/06/2000	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
412	140001035	Võ Văn Vinh	10/09/1996	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
413	17003705	Thái Đức Vĩnh	24/06/1999	nam	8.5	3.0	5.8	Trung bình
414	17002032	Nguyễn Hồng Von	24/07/1998	nam	9.0	3.0	6.0	Trung bình
415	BS34	Lư Thị Yến Vũ	19/05/1976	nữ	5.0	8.0	6.5	Trung bình
416	BS08	Nguyễn Thanh Vũ	10/10/1975	nam	8.0	7.0	7.5	Khá
417	17002056	Trần Hoàng Vũ	28/05/1999	nam	8.0	3.0	5.5	Trung bình
418	BS21	Trịnh Khắc Vũ	17/04/1981	nam	8.5	3.5	6.0	Trung bình
419	17004917	Lê Quốc Vương	06/09/1994	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
420	16000707	Bùi Thị Thanh Vy	01/06/1998	nữ	7.0	3.0	5.0	Trung bình
421	17001889	Đặng Khánh Vy	25/09/1999	nam	6.5	4.0	5.3	Trung bình
422	16002590	Lương Hoàng Yến Vy	04/03/1994	nữ	8.0	3.0	5.5	Trung bình

(Danh sách có 422 học viên)

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc